

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2022/HS-ST
Ngày 21-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mã Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Vân.

Bà Vương Ánh Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đàm Đình Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 754/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đinh Văn K**, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1980 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm A, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Tiến T, sinh năm 1947 và bà Đinh Thị H, sinh năm 1956; có vợ là Nông Thị L, sinh năm 1988 và 03 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 04-7-2022 đến ngày 05-8-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

2. Họ và tên: **Nông Văn H**, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1987 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm N, xã P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: công chức; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn A, sinh năm 1952 và bà Nông Thị N, sinh năm 1950; có vợ là Đinh Thị T, sinh năm 1990 và 03 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 04-7-2022 đến ngày 05-8-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

3. Họ và tên: **Nông Văn Q**, sinh ngày 17 tháng 6 năm 1986 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm N, xã P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn A, sinh năm 1952 và bà Nông Thị N, sinh năm 1950; có vợ là Lương Thị N, sinh năm 1986 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 03-7-2022 đến ngày 05-8-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nông Văn H, Nông Văn Q:* Bà Lý Thị Nhung, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Lương Thị N, sinh năm 1986, nơi cư trú: Xóm N, xã P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 03 giờ 30 phút ngày 03 tháng 7 năm 2022, tổ công tác Công an huyện B làm nhiệm vụ tại xã P, huyện B, tỉnh Cao Bằng phát hiện Nông Văn Q, sinh năm 1986, trú tại xóm N, xã P, huyện B, tỉnh Cao Bằng đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11K1-1783 chở Tăng Long, sinh năm 2003, trú tại trấn Nam Kiều, huyện Đông An, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc không có giấy tờ xuất nhập cảnh theo quy định đi về hướng thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Tổ công tác đã yêu cầu K cùng Tăng Long về trụ sở Công an xã P để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng theo quy định.

Mở rộng điều tra vụ án xác định được như sau: Khoảng 17 giờ ngày 02 tháng 7 năm 2022, Đinh Văn K được một người Trung Quốc tên Tung liên lạc qua Wechat để thuê K đến Mốc 778 thuộc địa phận xóm Đ, xã P, huyện B đón 01 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép và đưa đến thị trấn B. Do không biết đường nên K gọi điện thoại cho Nông Văn H để thuê H đi đón người và hứa sẽ trả tiền công xứng đáng khi đưa được người đến thị trấn B và được H đồng ý, do đang làm công chức ở xã P và sợ bị ảnh hưởng đến công việc nên H đến nhà anh trai ruột là Nông Văn Q bảo K đến Mốc 778 đón 01 người đưa đến thị trấn B và nhận tiền công, K đồng ý. Sau đó, K, Tung và H cùng thống nhất khoảng 22 giờ cùng ngày sẽ đón người tại Mốc 778, đồng thời H báo lại thời gian để K đi đón người. Khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11K-1783 đi từ nhà đến xóm Lũng Diêng, xã P, sau đó đi bộ đến Mốc 778 chờ. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, có một người Trung Quốc dẫn Tăng Long đến giao cho K, khi nhận được người K báo lại cho H biết, sau đó H báo lại cho K là đã đón được người. Một

lúc sau, K dẫn Tăng Long đến thị trấn B để giao cho người đến đón và nhận tiền công. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 03-7-2022, khi K đang chờ Tăng Long di chuyển đến xóm N, xã P, huyện B thì bị tổ công tác Công an huyện B bắt quả tang. Biết hành vi bị phát hiện, ngày 04-7-2022 Đinh Văn K, Nông Văn H đã đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên toà, các bị cáo Đinh Văn K, Nông Văn H và Nông Văn Q đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lương Thị N khai chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11K1-1783 là tài sản chung của vợ chồng, hoàn cảnh gia đình khó khăn chỉ có mỗi chiếc xe này để phục vụ việc đưa đón con đi học và đi lại, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe cho gia đình.

Ngày 17-10-2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 81/CT-VKSCB-P1 truy tố Đinh Văn K, Nông Văn H, Nông Văn Q về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đinh Văn K, Nông Văn H, Nông Văn Q về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Đinh Văn K, Nông Văn H, Nông Văn Q về tội danh, điều luật đã viện dẫn trong quyết định truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn K, Nông Văn H, Nông Văn Q phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với cả ba bị cáo.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn K từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Xử phạt bị cáo Nông Văn H, Nông Văn Q mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone của Đinh Văn K; 01 điện thoại Sam sung của Nông Văn H; 01 điện thoại Sam sung Galaxy J4 của Nông Văn Q; ½ chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, biển kiểm soát 11K1-1783 của Nông Văn Q.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lương Thị N ½ giá trị chiếc xe mô tô HONDA WAVE, biển kiểm soát 11K1-1783.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đinh Văn K không có lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Bà Lý Thị Nhung bào chữa cho bị cáo Nông Văn H, Nông Văn Q: Nhất trí với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Vì hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo K đã nhận lời và trực tiếp đi đón người nhập cảnh trái phép, sau khi đón được người mới biết là người Trung Quốc. Giữa bị cáo K và H không có sự bàn bạc trước khi phạm tội, cũng không nhận thức được hết hậu quả hành vi của mình, đã được lực lượng chức năng phát hiện nên chưa đưa được người vào sâu trong nội địa, chưa nhận được tiền công. Các bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, bị cáo H đã tự nguyện ra đầu thú, các bị cáo sống ở vùng có điều K kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát, nếu được có thể thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị.

Về tài sản bị tạm giữ: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H và bị cáo K đề nghị trả lại điện thoại, điện thoại của K do vợ bị cáo mua khi đi làm ăn xa để liên lạc với con cái, chiếc xe máy là tài sản chung của vợ chồng, khi bị cáo lấy xe đi chở người vợ bị cáo không biết, vì hoàn cảnh gia đình là hộ cận nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại. Không áp dụng hình phạt bổ sung vì các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế khó khăn.

Bị cáo Nông Văn H, Nông Văn Q không bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lương Thị N trình bày ý kiến tranh luận: Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong Hội đồng xét xử xem xét trả lại xe máy cho gia đình để có phương tiện đi lại, vì đây là phương tiện đi lại duy nhất.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Đinh Văn K và Nông Văn H đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt; bị cáo Nông Văn Q đề nghị xem xét trả lại chiếc xe máy và giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Đinh Văn K, Nông Văn H, Nông Văn Q và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều H pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo Đinh Văn K, Nông Văn H, Nông Văn Q hoàn toàn phù H với biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 04 giờ 00 phút ngày 03-7-2022 của tổ công tác Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng đối với Nông Văn Q; bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản hỏi cung có sự tham gia của Kiểm sát viên, của người bào chữa về quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo; biên bản trích xuất dữ liệu điện tử chiếc điện thoại di động tạm giữ của bị cáo Nông Văn Q; phù H với lời khai của người làm chứng là công dân Trung Quốc được Đinh Văn K, Nông Văn H và Nông Văn Q tổ chức nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 17 giờ ngày 02-7-2022, Đinh Văn K được một người không quen biết thuê đến Mốc 778 thuộc địa phận xóm Đ, xã P, huyện B, tỉnh Cao Bằng đón 01 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép và đưa đến thị trấn B, huyện B, do không thông thuộc địa bàn nên K thuê Nông Văn H đi đón người, sau đó H thuê lại anh trai mình là Nông Văn Q đi đón người để cùng được hưởng tiền công. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 02-7-2022, Nông Văn Q đến Mốc 778 đón và đưa 01 người Trung Quốc đến thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng, nhưng khi K đang chờ người Trung Quốc đến xóm N, xã P, huyện B thì bị phát hiện bắt quả tang.

Hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam của các bị cáo Đinh Văn K, Nông Văn H, Nông Văn Q đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực nhập cảnh, xâm phạm an ninh biên giới, tiềm ẩn nguy cơ làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm và phát sinh các tội phạm khác do người nhập cảnh trái phép thực hiện. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội là nhằm mục đích vụ lợi từ việc đón người nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam để nhận tiền công. Hành vi tổ chức cho 01 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam của các bị cáo Đinh Văn K, Nông Văn H, Nông Văn Q đã phạm vào tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo Đinh Văn K, Nông Văn H, Nông Văn Q về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Trước khi phạm tội, bị cáo Đinh Văn K, Nông Văn H, Nông Văn Q đều chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Cả 03 bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Đinh Văn K, Nông Văn H, Nông Văn Q được hưởng có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi biết Nông Văn Q bị cơ quan chức năng bắt quả tang, bị cáo Đinh Văn K và Nông Văn H đã tự nguyện đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đầu thú được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo Nông Văn H, Nông Văn Q là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều K kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do vậy Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Trong vụ án này, bị cáo Đinh Văn K là người có vai trò chính, thuê Nông Văn H đi đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, sau đó H thuê lại anh trai mình là Nông Văn Q trực tiếp đi đón người tại Mốc 778 và đưa đến thị trấn B, huyện B giao cho người khác tiếp tục đưa sâu vào nội địa Việt Nam nên mức hình phạt đối với K nghiêm khắc hơn so với hai người đồng phạm là Nông Văn H, Nông Văn Q.

Do các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo nên không cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly xã hội mà chỉ cần giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục vẫn bảo đảm tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù H với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

Người bào chữa đề nghị cho bị cáo Nông Văn H, Nông Văn Q được hưởng mức án thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị không có căn cứ chấp nhận, bởi các bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự không đáp ứng điều K phải có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 mới được áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Đối với đề nghị được trả lại điện thoại của bị cáo Nông Văn H, trả lại điện thoại và xe máy của bị cáo Nông Văn Q, Lương Thị N không có căn cứ chấp nhận vì các tài sản trên là phương tiện dùng vào việc thực hiện tội phạm cần phải tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước; đối với chiếc xe máy là tài sản chung của Nông Văn Q, Lương Thị N cũng đã được xem xét trả lại cho bà Nguyệt 1/2 chiếc xe là phần sở hữu của bà Nguyệt đối với chiếc xe này.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo Đinh Văn K, Nông Văn H, Nông Văn Q chưa được hưởng lợi từ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái

phép, trước khi phạm tội các bị cáo K và K là lao động tự do, bị cáo H là công chức cấp xã có thu nhập thấp nên không áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 03 chiếc điện thoại di động (01 điện thoại hiệu IPHONE 7 PLUS của Đinh Văn K; 01 điện thoại hiệu SAMSUNG A7 2018 của Nông Văn H; 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J4+ của Nông Văn Q) là phương tiện liên lạc thực hiện tội phạm thì tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE S, biển kiểm soát 11K1-1783 thuộc quyền sở hữu chung của vợ chồng Nông Văn Q, khi K sử dụng xe máy chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép thì chị Lương Thị N là vợ K không biết nên tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe nộp vào ngân sách Nhà nước, $\frac{1}{2}$ giá trị còn lại của chiếc xe trả lại cho chị Lương Thị N.

[6] Về án phí: Các bị cáo Đinh Văn K, Nông Văn H, Nông Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi của người đàn ông đã thuê Đinh Văn K tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể nên cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra mở rộng vụ án.

Đối với công dân Trung Quốc được các bị cáo tổ chức cho nhập cảnh trái phép, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Cao Bằng đã xử phạt hành chính và trục xuất về nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Đinh Văn K, Nông Văn H, Nông Văn Q** phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Văn K, xử phạt:

+ Bị cáo Đinh Văn K 15 (mười năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 21-11-2022. Giao bị cáo Đinh Văn K cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn H, Nông Văn Q, xử phạt:

+ Bị cáo Nông Văn H 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 21-11-2022.

+ Bị cáo Nông Văn Q 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 21-11-2022.

Giao bị cáo Nông Văn H và bị cáo Nông Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường H người được hưởng án treo (K, H, K) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 điện thoại Nông Văn Q”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi: “01 điện thoại Đinh Văn K”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 điện thoại Nông Văn H”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

+ ½ giá trị của 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE S màu đen xám mang biển kiểm soát 11K1-1783. Tình trạng xe đã qua sử dụng.

Số khung: 602601; Số máy: 1544250.

Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 26 tháng 7 năm 2022.

Trả lại cho Lương Thị N (vợ của Nông Văn Q): ½ giá trị của chiếc xe máy nêu trên.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 16 ngày 01 tháng 11 năm 2022.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đinh Văn K, Nông Văn H, Nông Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Đinh Văn K, Nông Văn H, Nông Văn Q có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan ANĐT CA tỉnh CB;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Người TGTT;
- Lưu HS vụ án; HCTP;
- Lưu tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mã Văn Quân